

Số: **5087** /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/HĐHV-QN ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện và theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 đối với **10** Chiến sĩ thi đua cơ sở và **204** Lao động tiên tiến thuộc quỹ lương của đơn vị có tên trong danh sách kèm.

Điều 2. Kèm theo danh hiệu, mỗi cá nhân được thưởng mức tiền thưởng là 1.490.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; 477.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Lao động tiên tiến, trích từ quỹ khen thưởng của đơn vị.

Tổng số tiền thưởng là **106.088.000** đồng

Bằng chữ: Một trăm lẻ sáu triệu, tám mươi tám ngàn đồng chẵn

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Tổ chức cán bộ, Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu VT, TCCB, PVĐ(10).



Nguyễn Thị Lan

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG DO ĐƠN VỊ CHI TRẢ LƯƠNG
ĐẠT DANH HIỆU CHIẾN SĨ THI ĐUA CƠ SỞ NĂM HỌC 2020-2021**

(Kèm theo Quyết định số **5087** /QĐ-HVN ngày 22 tháng 10 năm 2021
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vũ Thị Bích	Hạnh	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	1,490,000	
2	Nguyễn Văn	Mười	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	1,490,000	
3	Vũ Văn	Quang	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	1,490,000	
4	Nguyễn Thị	Thùy	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	1,490,000	
5	Nguyễn Xuân	Trường	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	1,490,000	
6	Ngô Sỹ	Đạt	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	1,490,000	
7	Đinh Thị	Hà	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	1,490,000	
8	Nguyễn Huy	Thái	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	1,490,000	
9	Trịnh Tuấn	Anh	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	1,490,000	
10	Nguyễn Đình	Phóng	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	1,490,000	
Cộng					14,900,000	

Bằng chữ:

Mười bốn triệu chín trăm ngàn đồng./.

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG DO ĐƠN VỊ CHI TRẢ LƯƠNG

ĐẠT DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Quyết định số **5087** /QĐ-HVN ngày 22 tháng 10 năm 2021
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Phương	Mai	1	Cây công nghiệp	447,000	
2	Nguyễn Thị	Thúy	1	Thực vật	447,000	
3	Nguyễn Ngọc	ánh	1	Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ	447,000	
4	Bùi Thị Hồng	Hà	1	Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ	447,000	
5	Nguyễn Thị	Yên	1	Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ	447,000	
6	Trần Thị	Hiên	1	TT Nghiên cứu cây trồng Việt Nam và Nhật Bản	447,000	
7	Đinh Mai Thùy	Linh	1	TT Nghiên cứu cây trồng Việt Nam và Nhật Bản	447,000	
8	Bùi Hồng	Nhung	1	TT Nghiên cứu cây trồng Việt Nam và Nhật Bản	447,000	
9	Vũ Thị	Hạnh	1	TT Nghiên cứu và PT giống Rau chất lượng cao	447,000	
10	Nguyễn Tiến	Long	1	TT Nghiên cứu và PT giống Rau chất lượng cao	447,000	
11	Nguyễn Hồng	Minh	1	TT Nghiên cứu và PT giống Rau chất lượng cao	447,000	
12	Nguyễn Thị	Minh	1	TT Nghiên cứu và PT giống Rau chất lượng cao	447,000	
13	Nguyễn Hoàng	Phương	1	TT Nghiên cứu và PT giống Rau chất lượng cao	447,000	
14	Nguyễn Thị	Nga	2	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành PTNT	447,000	
15	Phan Đăng	Thắng	2	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành PTNT	447,000	
16	Nguyễn Đình	Tiến	2	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành PTNT	447,000	
17	Lê Thị Hồng	Vân	2	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành PTNT	447,000	
18	Nguyễn Tuấn	Cường	3	Quản lý đất đai	447,000	
19	Đỗ Thị Thu	Hà	3	Quản lý đất đai	447,000	
20	Triệu Hồng	Lụa	3	Quản lý đất đai	447,000	
21	Nguyễn Thị	Mỵ	3	Quản lý môi trường	447,000	
22	Hồ Thị Lam	Trà	3	Văn phòng Khoa TN và MT	447,000	
23	Trương Thị Cẩm	Anh	5	Kế hoạch và Đầu tư	447,000	
24	Vũ Thị Mỹ	Huệ	5	Kế hoạch và Đầu tư	447,000	
25	Nguyễn Thị Thu	Huyền	5	Kế hoạch và Đầu tư	447,000	
26	Đặng Nam	Phương	5	Kế hoạch và Đầu tư	447,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
27	Lê Phương	Thảo	5	Kế hoạch và Đầu tư	447,000	
28	Trương Ngọc	Tín	5	Kế hoạch và Đầu tư	447,000	
29	Phạm Kiều	My	5	Phân tích định lượng	447,000	
30	Hoàng Thị	Trang	5	Phân tích định lượng	447,000	
31	Ninh Xuân	Trung	5	Phân tích định lượng	447,000	
32	Mai Thanh	Hương	5	Phát triển nông thôn	447,000	
33	Vũ Văn	Dũng	9	Bệnh viện Thú y	447,000	
34	Nguyễn Thị	Hương	9	Bệnh viện Thú y	447,000	
35	Nguyễn Thị Thanh	Hương	9	Bệnh viện Thú y	447,000	
36	Lê Thị Lan	Anh	9	Ký sinh trùng	447,000	
37	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	9	Ngoại sản	447,000	
38	Trần Thị	Chi	9	Ngoại sản	447,000	
39	Nguyễn Ngọc	Dương	9	Ngoại sản	447,000	
40	Lại Thu	Hằng	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	447,000	
41	Trần Thị	Hiệp	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	447,000	
42	Nguyễn Thị Thu	Hương	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	447,000	
43	Lê Thị	Luyên	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	447,000	
44	Hoàng Thị	Phương	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	447,000	
45	Nguyễn Anh	Tuấn	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	447,000	
46	Ngô Chí	Quyền	12	Công nghệ vi sinh	447,000	
47	Phạm Thị Hồng	Thiêm	12	Công nghệ vi sinh	447,000	
48	Nguyễn Thị	Thu	12	Công nghệ vi sinh	447,000	
49	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12	Công nghệ vi sinh	447,000	
50	Phan Hữu	Hiển	12	TT Bảo tồn và Phát triển nguồn gen cây trồng	447,000	
51	Nguyễn Thị	Liều	12	TT Bảo tồn và Phát triển nguồn gen cây trồng	447,000	
52	Phạm Đình	ồn	12	TT Bảo tồn và Phát triển nguồn gen cây trồng	447,000	
53	Phan Thanh	Tùng	12	TT Bảo tồn và Phát triển nguồn gen cây trồng	447,000	
54	Đặng Thị	Hóa	14	Môi trường và Bệnh thủy sản	447,000	
55	Vũ Mạnh	Hướng	25	Đội Bảo vệ	447,000	
56	Lương Đình	ái	25	Tổ KTX Sinh viên	447,000	
57	Nguyễn Thế	Thập	36	Trung tâm Quan hệ công chúng và Hỗ trợ sinh viên	447,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
58	Nguyễn Thị Kim	Thoa	36	Trung tâm Quan hệ công chúng và Hỗ trợ sinh viên	447,000	
59	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
60	Nguyễn Trung	Đức	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
61	Nguyễn Thị Kim	Dung	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
62	Nguyễn Văn	Hà	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
63	Trần Thị Thanh	Hà	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
64	Phạm Thị	Hạnh	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
65	Đàm Ngọc	Hiên	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
66	Phùng Danh	Huân	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
67	Lê Văn	Huy	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
68	Trần Thị	Huyền	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
69	Dương Thị	Loan	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
70	Phan Minh	Thái	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
71	Lê Văn	Thành	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
72	Đỗ Thị	Thi	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
73	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
74	Nguyễn Thị	Trâm	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
75	Nguyễn Thanh	Tùng	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
76	Phạm Thị Ngọc	Yến	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
77	Đoàn Thị	Yến	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	447,000	
78	Vũ Ngọc	Anh	42	Viện Kinh tế và Phát triển	447,000	
79	Đỗ Văn	Chinh	42	Viện Kinh tế và Phát triển	447,000	
80	Phạm Minh	Chính	42	Viện Kinh tế và Phát triển	447,000	
81	Lê Thanh	Hà	42	Viện Kinh tế và Phát triển	447,000	
82	Chu Thị	Thắm	42	Viện Kinh tế và Phát triển	447,000	
83	Đinh Văn	Thắng	42	Viện Kinh tế và Phát triển	447,000	
84	Nguyễn Văn	Tuyến	42	Viện Kinh tế và Phát triển	447,000	
85	Nguyễn Ngọc	Vinh	42	Viện Kinh tế và Phát triển	447,000	
86	Vũ Tiến	Dũng	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
87	Phạm Thị	Hải	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
88	Vũ Thị	Hằng	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
89	Vi Quốc	Hiền	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
90	Nguyễn Việt	Hùng	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
91	Lương Văn	Hung	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
92	Nguyễn Thị	Liên	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
93	Nguyễn Phi	Long	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
94	Đỗ Thị	Mai	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
95	Nguyễn Thị	Sen	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
96	Nguyễn Thị	Son	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
97	Hồ Thị Thu	Thanh	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
98	Nguyễn Mạnh	Tiến	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
99	Phạm Văn	Tuân	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
100	Nguyễn Thị	Việt	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	447,000	
101	Bùi Tuấn	Anh	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
102	Đặng Thị	Hoan	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
103	Ngô Thùy	Linh	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
104	Bùi Quang	Nguyên	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
105	Nguyễn Viết	Phong	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
106	Bạch Lan	Phương	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
107	Đặng Kim	Son	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
108	Đỗ Huy	Thiệp	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
109	Phạm Đức	Thịnh	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
110	Phạm Thị Hồng	Vân	45	Viện NC Thị trường và Thể chế nông nghiệp	447,000	
111	Hà	Giang	48	Bệnh viện Cây trồng	447,000	
112	Trần Thị Như	Hoa	48	Bệnh viện Cây trồng	447,000	
113	Nguyễn Thu	Huyền	48	Bệnh viện Cây trồng	447,000	
114	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	48	Bệnh viện Cây trồng	447,000	
115	Phạm Thị Bích	Phương	48	Bệnh viện Cây trồng	447,000	
116	Nguyễn Ngọc	Dũng	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	447,000	
117	Vũ Xuân	Hải	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	447,000	
118	Lê Thị	Hiền	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	447,000	
119	Phạm Thị	Huế	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	447,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
120	Nguyễn Thị	Ngân	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	447,000	
121	Nguyễn Lê	Thu	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	447,000	
122	Đinh Nguyệt	Thu	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	447,000	
123	Lê Thị Lan	Anh	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	447,000	
124	Hoàng Lê	Hường	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	447,000	
125	Nguyễn Khắc	Huy	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	447,000	
126	Nguyễn Văn	Thịnh	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	447,000	
127	Trần Thị	Thoa	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	447,000	
128	Phạm Tiến	Đạt	53	Trung tâm Sinh thái nông nghiệp	447,000	
129	Nguyễn Đức	Mạnh	53	Trung tâm Sinh thái nông nghiệp	447,000	
130	Nguyễn Thị	Thanh	53	Trung tâm Sinh thái nông nghiệp	447,000	
131	Nguyễn Thị	Nhung	57	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên Đất và Môi trường	447,000	
132	Nguyễn Thị Mai	Phương	57	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên Đất và Môi trường	447,000	
133	Phạm Thị	Hà	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	447,000	
134	Nguyễn Bá	Hoạt	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	447,000	
135	Ngô Thị Cà	Liên	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	447,000	
136	Nguyễn Thị Hồng	Linh	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	447,000	
137	Dương Thị	Mừng	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	447,000	
138	Nguyễn Trường	Son	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	447,000	
139	Nguyễn Thị Hải	Anh	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
140	Mai Văn	Anh	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
141	Phạm Thị Kim	Cúc	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
142	Nguyễn Xuân	Đài	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
143	Nguyễn Thùy	Dung	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
144	Đặng Thị Thu	Hằng	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
145	Nguyễn Diệu	Hương	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
146	Vương Thị Khánh	Huyền	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
147	Hoàng Văn	Phong	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
148	Lại Thế	Thanh	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
149	Hoàng Văn	Thao	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	
150	Ngô Phương	Thảo	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	447,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
151	Cao Hải	Nam	64	TT Nghiên cứu Ong và Nuôi ong nhiệt đới	447,000	
152	Phan Thanh	Ngọc	64	TT Nghiên cứu Ong và Nuôi ong nhiệt đới	447,000	
153	Nguyễn Thị	Thắm	64	TT Nghiên cứu Ong và Nuôi ong nhiệt đới	447,000	
154	Trần Văn	Toàn	64	TT Nghiên cứu Ong và Nuôi ong nhiệt đới	447,000	
155	Nguyễn Thị Vân	Anh	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
156	Nguyễn Thanh	Bình	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
157	Nguyễn Duy	Chinh	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
158	Nguyễn Việt	Hiếu	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
159	Trần Thị Thùy	Linh	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
160	Phùng Đức	Lực	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
161	Hoàng Ngọc	Thái	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
162	Trần Thị Hoài	Thu	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
163	Lê Thị	Thùy	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
164	Lê Văn	Tiến	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
165	Nguyễn Thị	Toàn	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	447,000	
166	Trần Diệu	Anh	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
167	Nguyễn Xuân	Bình	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
168	Nguyễn Văn	Bình	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
169	Đặng Thanh	Bình	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
170	Phạm Đình	Chiều	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
171	Nguyễn Tiến	Đạt	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
172	Phạm Trung	Đông	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
173	Lê Thị	Hồng	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
174	Phan Văn	Hùng	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
175	Từ Văn	Kiệm	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
176	Phạm Bảo	Linh	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
177	Phạm Hữu	Lộc	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
178	Trần Thị Liên	Minh	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
179	Nguyễn Thành	Nam	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
180	Lê Thị Thu	Ngà	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
181	Lê Thị	Tâm	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
182	Đỗ Mạnh	Trường	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	447,000	
183	Nguyễn Thị	Hoàn	68	TT Tin học Học viện Nông nghiệp Việt Nam	447,000	
184	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	68	TT Tin học Học viện Nông nghiệp Việt Nam	447,000	
185	Nguyễn Thị Huyền	Trang	68	TT Tin học Học viện Nông nghiệp Việt Nam	447,000	
186	Nguyễn Thị Thu	Huyền	69	Trung tâm Đào tạo kỹ năng mềm	447,000	
187	Lê Thị Quỳnh	Trang	69	Trung tâm Đào tạo kỹ năng mềm	447,000	
188	Nguyễn Thị Vân	Anh	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
189	Nguyễn Văn	Chương	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
190	Nguyễn Thu	Hà	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
191	Tạ Hồng	Hạnh	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
192	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
193	Ngô Văn	Hiếu	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
194	Vũ Thị	Hoài	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
195	Trương Thị	Hường	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
196	Nguyễn Thị	Liên	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
197	Trần Đức	Nam	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
198	Hoàng Thị	Như	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
199	Mạc Thị	Phượng	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
200	Nguyễn Duy	Vỹ	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
201	Nguyễn Thị	Yến	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV HVNN VN	447,000	
202	Hoàng Văn	Lý	72	Cty TNHH MTV Giáo dục Nông nghiệp VN	447,000	
203	Lê Phương	Nam	72	Cty TNHH MTV Giáo dục Nông nghiệp VN	447,000	
204	Đặng Minh	Phương	72	Cty TNHH MTV Giáo dục Nông nghiệp VN	447,000	
Cộng					97.188.000	

Bảng chữ:

Chín mươi một triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng./.

